ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Giáo dục Mầm non — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31/12/2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**26**	**304**	**86**		
1	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
2	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
3	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
4	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
5	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
6	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
7	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
8	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
9	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
10	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
11	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
12	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
		Học phần tự chọn	**10**	**135**	**15**		
13	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
14	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
15	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			**26**	**223**	**122**		
16	32331204	Dinh dưỡng trẻ em	3	30	15	32331687	
17	32331687	Sinh lý học trẻ em	3	45	0		
18	32321903	Toán cơ sở	2	15	15		
19	32331001	Văn học trẻ em và nghệ thuật đọc, kể diễn cảm	3	30	15	32224860	
20	32321002	Cơ sở khoa học tự nhiên trong giáo dục mầm non	2	25	5		
21	32234861	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	3	30	15		
22	32338039	Mĩ thuật mầm non	3	10	35		
23	32338040	Âm nhạc mầm non	3	0	0		
24	32224860	Việt ngữ học cơ sở	3	30	15		
		Học phần tự chọn	**2**	**13**	**17**		
25	32224880	*Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non*	2	13	17		
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			**28**	**179**	**331**		
26	32321253	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	2	24	6		
27	32331003	Đạo đức nghề và khởi nghiệp trong giáo dục mầm non	3	15	30	32238565; 32238041	
28	32331011	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành giáo dục mầm non	3	24	21		
29	32321023	Tiếng Anh chuyên ngành	2	20	10		
30	32238041	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	3	30	15	32238565	
31	32228045	Đồ chơi và đồ dùng dạy học trong giáo dục mầm non	2	10	20	32338039	
32	32228046	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2	20	10	32331687; 32234861	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
33	32238565	Giáo dục học mầm non	3	30	15	32331687; 32234861; 32331204	
		Học phần tự chọn	**8**	**6**	**204**		
34	32321006	*Tổ chức hoạt động Aerobic ở trường mầm non*	2	6	24	32331687; 32234861	
35	32361031	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	180		
Khối kiến thfic: NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM			**69**	**565**	**590**		
36	32331016	Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non	3	30	15	32321002; 32234861; 32238565	
37	32228044	Tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp ở trường mầm non	2	15	15	32238041; 32228035; 32331583; 32331016; 32331608; 32331017	
38	32238043	Giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	3	30	15	32234861; 32238565	
39	32228042	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	15	15	32331687; 32234861; 32238565	
40	32228036	Kỹ năng quản lý nhóm lớp trong giáo dục mầm non	2	15	15	32234861; 32238041; 32238565	
41	32228035	Đánh giá sự phát triển của trẻ em	2	15	0	32234861; 32331687; 32238565	
42	32228034	Chuyển đổi số trong giáo dục mầm non	2	15	15	32238565; 32331583; 32331016; 32331608; 32331017	
43	32228033	Phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục mầm non	2	20	10	32234861; 32238565	
44	32341030	Thực tập sư phạm	4	0	120	32331583; 32331016; 32331608; 32331017	
45	32321029	Kiến tập sư phạm	2	0	60		
46	32331018	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	30	15	32331687; 32234861; 32238565	
47	32331017	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non	3	30	30	32338040; 32238565; 32331475	
48	32331015	Phương pháp tổ chức hoạt động chăm sóc và vệ sinh cho trẻ mầm non	3	30	15	32238555; 32228046; 32331003	
49	32331014	Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	30	15	32234861; 32238565; 32331001	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
50	32321896	Tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ ở trường mầm non	2	30	0	32234861; 32331687	
51	32331608	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	30	15	32338039; 32234861; 32238565	
52	32331606	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	30	15	32234861; 32238565; 32224860	
53	32331583	Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	3	30	15	32321903; 32234861; 32238565	
54	32331475	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non	3	15	30	32338040; 32238565; 32331687	
		Học phần tự chọn	**19**	**155**	**160**		
55	32321263	*Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non*	2	30	0	32321002; 32331016	
56	32331005	*Các phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến*	3	30	15	32234861; 32238041	
57	32324089	*Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non*	2	15	15	32331018	
58	32321021	*Phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non*	2	15	15	32224860; 32331606	
59	32321022	*Các hướng tiếp cận trong chăm sóc trẻ mầm non*	2	15	15	32331687; 32331015; 32228033	
60	32324087	*Phát triển tính tích cực nhận thức cho trẻ mầm non*	2	15	15	32331583; 32331016	
61	32324085	*Phát triển năng lực sáng tạo cho trẻ mầm non*	2	15	30	32331608; 32331017; 32331014	
62	32321699	*Sử dụng nghệ thuật múa rối ở trường mầm non*	2	5	40	32331001; 32331014	
63	32321697	*Sử dụng âm nhạc trong giáo dục mầm non*	2	15	15		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			**149**	**1271**	**1129**		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			**110**	**962**	**733**		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			**20**				

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH

Nguyễn Thị Triều Tiên

TRƯỞNG KHOA

Võ Thị Bảo

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TS. Phan Đức Tuấn

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Giáo dục Mầm non — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thfic đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31/12/2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
1	00101265	Giáo dục thể chất 1	1	0	15		
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
	32234861	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	3	30	15		
	32224860	Việt ngữ học cơ sở	3	30	15		
	32321903	Toán cơ sở	2	15	15		
	32331687	Sinh lý học trẻ em	3	45	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**14**	**140**	**70**		
2	00101266	Giáo dục thể chất 2	1	0	15		
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
	32238565	Giáo dục học mầm non	3	30	15	32331687; 32234861; 32331204	
	32331204	Dinh dưỡng trẻ em	3	30	15	32331687	
	32338039	Mĩ thuật mầm non	3	10	35		
		Học phần tự chọn					
	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
	32321006	*Tổ chức hoạt động Aerobic ở trường mầm non*	2	6	24	32331687; 32234861	
		Số tín chỉ trong kỳ	**17**	**128**	**127**		
3	00201264	Giáo dục quốc phòng	0	0	60		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	32238041	Phát triển chương trình giáo dục mầm non	3	30	15	32238565	
	32321023	Tiếng Anh chuyên ngành	2	20	10		
	32331001	Văn học trẻ em và nghệ thuật đọc, kể diễn cảm	3	30	15	32224860	
	32338040	Âm nhạc mầm non	3	0	0		
		Học phần tự chọn					
	32224880	*Giao tiếp sư phạm của giáo viên mầm non*	2	13	17		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**123**	**132**		
4	00101267	Giáo dục thể chất 3	1	0	15		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
	32228045	Đồ chơi và đồ dùng dạy học trong giáo dục mầm non	2	10	20	32338039	
	32321002	Cơ sở khoa học tự nhiên trong giáo dục mầm non	2	25	5		
	32331011	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành giáo dục mầm non	3	24	21		
	32331018	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	30	15	32331687; 32234861; 32238565	
		Học phần tự chọn					
	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**156**	**84**		
	00101268	Giáo dục thể chất 4	1	0	15		
	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
	32228042	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	15	15	32331687; 32234861; 32238565	

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
5	32331016	Phương pháp tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh cho trẻ mầm non	3	30	15	32321002; 32234861; 32238565	
		Học phần tự chọn					
	32324089	*Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non*	2	15	15	32331018	
	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**14**	**142**	**68**		
6	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
	32228046	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2	20	10	32331687; 32234861	
	32331606	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	30	15	32234861; 32238565; 32224860	
	32331608	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	30	15	32338039; 32234861; 32238565	
		Học phần tự chọn					
	32321263	*Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non*	2	30	0	32321002; 32331016	
		Số tín chỉ trong kỳ	**12**	**131**	**49**		
7	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
	32331003	Đạo đức nghề và khởi nghiệp trong giáo dục mầm non	3	15	30	32238565; 32238041	
	32331015	Phương pháp tổ chức hoạt động chăm sóc và vệ sinh cho trẻ mầm non	3	30	15	32238565; 32228046; 32331003	
	32331583	Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	3	30	15	32321903; 32234861; 32238565	
		Học phần tự chọn					
	32321021	*Phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non*	2	15	15	32224860; 32331606	
	32324085	*Phát triển năng lực sáng tạo cho trẻ mầm non*	2	15	30	32331608; 32331017; 32331014	
		Số tín chỉ trong kỳ	**15**	**127**	**113**		
8	32238043	Giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	3	30	15	32234861; 32238565	
	32321896	Tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ ở trường mầm non	2	30	0	32234861; 32331687	
	32331014	Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	30	15	32234861; 32238565; 32331001	
		Học phần tự chọn					
	32324087	*Phát triển tính tích cực nhận thức cho trẻ mầm non*	2	15	15	32331583; 32331016	
	32331005	*Các phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến*	3	30	15	32234861; 32238041	
		Số tín chỉ trong kỳ	**13**	**135**	**60**		
	32228034	Chuyển đổi số trong giáo dục mầm non	2	15	15	32238565; 32331583; 32331016; 32331608; 32331017	
	32228035	Đánh giá sự phát triển của trẻ em	2	15	0	32234861; 32331687; 32238565	

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
9	32331017	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non	3	30	30	32338040; 32238565; 32331475	
	32331475	Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ mầm non	3	15	30	32338040; 32238565; 32331687	
		Học phần tự chọn					
	32321022	*Các hướng tiếp cận trong chăm sóc trẻ mầm non*	2	15	15	32331687; 32331015; 32228033	
	32321699	*Sử dụng nghệ thuật múa rối ở trường mầm non*	2	5	40	32331001; 32331014	
		Số tín chỉ trong kỳ	**14**	**95**	**130**		
10	32228033	Phối hợp nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục mầm non	2	20	10	32234861; 32238565	
	32228036	Kỹ năng quản lý nhóm lớp trong giáo dục mầm non	2	15	15	32234861; 32238041; 32238565	
	32228044	Tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp ở trường mầm non	2	15	15	32238041; 32228035; 32331583; 32331016; 32331608; 32331017	
	32321029	Kiến tập sư phạm	2	0	60		
	32321253	Giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non	2	24	6		
		Học phần tự chọn					
	32321697	*Sử dụng âm nhạc trong giáo dục mầm non*	2	15	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**12**	**89**	**121**		
11	32341030	Thực tập sư phạm	4	0	120	32331583; 32331016; 32331608; 32331017	
		Học phần tự chọn					
	32361031	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	180		
		Số tín chỉ trong kỳ	**10**	**0**	**300**		

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH **TRƯỞNG KHOA** **KT. HIỆU TRƯỞNG**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thiều Tâm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TS. Phan Đức Tuấn